

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/GOCXANH/2024

I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH**

Địa chỉ: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Điện thoại: 0833 665 479

Email: thongle140297@gmail.com

Website:

Mã số doanh nghiệp: 0312385154

- Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm ISO 22000:2018 – **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH (NHA TRANG):**

Số chứng nhận: HA 527-23, ngày cấp: 18/03/2023, nơi cấp: VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG.

- Giấy chứng nhận Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn HACCP CODEX (CXC 1-1969), Rev 2020 – **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH (BÌNH DƯƠNG):** Số giấy chứng nhận: HP 253, ngày cấp: 11/11/2023, nơi cấp: VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG.

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: KINGLY - TỔ YẾN CHƯNG SẴN ĐƯỜNG PHÈN – TỨ VỊ

2. Thành phần: Nước tinh khiết (43%), sợi yến tươi (32%), đường phèn (10%), hỗn hợp tứ vị (hạt sen, táo tàu, kỉ tử, long nhãn) (7,7%), chất làm dày (INS 401), chất ổn định (INS 418), hương liệu tự nhiên (yến).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- NSX & HSD: xem trên bao bì.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đựng trực tiếp trong lọ thủy tinh hoặc đựng trong chén nhôm có nắp đậy kín, bên ngoài là hộp giấy, cuối cùng là thùng carton. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.



- **Quy cách đóng gói:** Đóng gói kín. Thể tích thực: 70 ml, 140 ml, 420 ml (6 lọ x 70 ml), 980 ml (7 lọ x 140 ml) hoặc thể tích thực khác theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH

Địa chỉ A: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.

Địa chỉ B: 45/3B, Khu phố Hoà Long, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn dự thảo đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/ml	10^2
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10
9	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	0.05

- QCVN 8-1:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Patulin	µg/l	25

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT, Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hoà, ngày 03 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Lê Vy Vy



NỘI DUNG GHI NHÃN DỰ THẢO

Tên sản phẩm: KINGLY – TỖ YẾN CHUNG SẴN ĐƯỜNG PHÈN – TƯ VỊ

Thành phần: Nước tinh khiết (43%), sợi yến tươi (32%), đường phèn (10%), hỗn hợp tứ vị (hạt sen, táo tàu, kỉ tử, long nhãn) (7,7%), chất làm dày (INS 401), chất ổn định (INS 418), hương liệu tự nhiên (yến).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo an toàn: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX & HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

Thể tích thực: 70 ml; 140 ml; 420 ml (6 lọ x 70 ml); 980 ml (7 lọ x 140 ml)

Số tự công bố: 12/GOCXANH/2024

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH

Địa chỉ A: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.

Địa chỉ B: 45/3B, Khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ nhà sản xuất xem bên cạnh NSX.

Điện thoại: 0833665479

Email: thongle140297@gmail.com

Xuất xứ: Việt Nam

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 ml
Năng lượng	45kcal
Chất đạm	0.772 g
Carbohydrate	10.6 g
Chất béo	0 g
Natri	16.9 mg
Đường tổng số	10.3 g



AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-5

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH
Địa chỉ/ Client's Address : Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 29/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 29/07/2024 - 05/08/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 05/08/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : KINGLY - TỔ YẾN CHƯNG SẴN ĐƯỜNG PHÈN - TÚ VỊ
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chén nhôm kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Streptococci Faecal (*) / Streptococci Faecal (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	NMKL 68, 5th ed., 2011
5	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	AVA-KN-PP.VS/055 (Ref. ISO 16266:2006)
6	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-5

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
9	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
10	Patulin / Patulin	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 10)	µg/L	AVA-KN-PP.SK/071 (Ref. AOAC 2000.02)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-11

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH
Địa chỉ/ Client's Address : Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 29/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 29/07/2024 - 05/08/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 05/08/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : KINGLY - TỎ YẾN CHƯNG SẴN ĐƯỜNG PHÈN - TỬ VỊ
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chén nhôm kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	45	kcal/100mL	AVA-KN-PP.HL/10
2	Béo tổng (*) / Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	g/100mL	AVA-KN-PP.HL/02
3	Béo bão hòa (*) / Saturated Fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	g/100mL	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
4	Trans fat (*) / Trans fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	g/100mL	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
5	Cholesterol (*) / Cholesterol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 10)	mg/L	AVA-KN-PP.SK/096 (Ref. AOAC 994.10)
6	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	10.6	g/100mL	AVA-KN-PP.HL/04
7	Xơ dinh dưỡng (*) / Total dietary fiber (*)	1.10	%	TCVN 9050:2012
8	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	10.3	g/100mL	AVA-KN-PP.HL/03
9	Đạm (*) / Protein (*)	0.772	g/100mL	AVA-KN-PP.HL/01
10	Canxi (Ca) (*) / Calcium (Ca) (*)	595	mg/L	AVA-KN-PP.QP/016
11	Kali (K)(*) / Potassium (K)(*)	245	mg/L	AVA-KN-PP.QP/015 (Ref. AOAC 985.35)

Bom





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-11

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Natri (Na)(*) / Sodium (Na)(*)	16.9	mg/100mL	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
13	Sắt (Fe) / Iron (Fe)	0.693	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072
14	Vitamin D (D2 + D3) / Vitamin D (D2 + D3)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	mg/L	AVA-KN-PP.SK/061

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- ^(CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ ^(CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- ^(TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ ^(TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-11

Nutrition Facts	
servings per container	
Serving size	100g
Amount per serving	
Calories	45
% Daily value*	
Total Fat 0g	0%
Saturated Fat 0g	0%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 15mg	1%
Total Carbohydrate 11g	4%
Dietary Fiber 1g	4%
Total Sugars 10g	
Protein less than 1g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 60mg	4%
Iron 0mg	0%
Potassium 0mg	0%
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 4/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-11

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng <i>Nutritional ingredients</i>	Trên 100 mL <i>In 100 mL</i>		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu <i>% Nutrient reference values</i>
Năng lượng (Energy)	45	kcal	2%
Chất đạm (Protein)	0.772	g	2%
Carbohydrate	10.6	g	3%
Đường tổng số (Total Sugars)	10.3	g	-
Chất béo (Fat)	0	g	0%
Natri (Sodium)	16.9	mg	1%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).

Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg

% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).

Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

